**PHUONG NAM ANTI- THUNDERBOLT DEVICES CO., LTD**
Head Office: 7 Duong Quang Ham Str, Go Vap Dist, HCM City, Vietnam
Office: 192/62 Nguyen Oanh Str, Go Vap Dist , HCM City, Vietnam
Tel: 08.38843805 - Fax: 62955689
Email: phuongnam688@gmail.com Web: www.dichvuchongset.com

# BẢNG GIÁ THIẾT BỊ CHỐNG SÉT LAN TRUYỀN

**Ngày 27/05/2014** — ***DUVAL MESSIEN PRICE LISTS 2014 (Pháp)***

| STT | Photo- ( Hình sản phẩm ) | Art/Cat No | Type - Loại ( Spec ) | General description (Mô tả chung) | Price (EURO) | Comment |
|---|---|---|---|---|---|---|
| Sản phẩm chống sét cho đường nguồn (AC) 1 Phase Và 3 Phase (Mắc song song) | | | | | | |
| 1 | | | DM125 IT1 - NPE (380V, 2P, In 25 kA/P, Imax 50kA/P) | Thiết bị chống sét nguồn AC, phù hợp cho các kiểu cấu trúc hệthống lưới điện TN-CS, TN-S, TT (cho model có+NPE). Spec: 1 Pha và 3 pha, Điện áp định mức: UC =220/390V, Dòng xung: Xung (10/350µs)= 7, 14, 21, 25kA, Xung (8/20µs)= 30, 60, 90, 120 kA, mức điện áp bảo vệ: Up <1.5 kV , thời gian phản hồi <25ns, DIN rail 35mm. Tiêu chuẩn: VDE, ÖVE, KEMA, CE, IEC. | 263.20 | |
| 2 | | | DM125TN3 - NPE ( 380V, 3P, In 25kA/P, Imax 50kA/P) | | 820.25 | |
| 3 | | | DM125TN3 - 385 + NPE (385V, 4P, In 25kA/P, Imax 50kA/P) | | 850.25 | |
| 4 | | | DM125TT4 - 550 + NPE (550V, 4P, In 25kA/P, Imax 50kA/P) | | 899.90 | |
| 5 | | | DM112 IT2 + NPE (380V, 2P+NPE, In 12kA, Imax 112 kA) | Thiết bịchống sét nguồn AC, phù hợp cho các kiểu cấu trúc hệthống lưới điện TN, TT (cho model có +NPE). Spec: 1 Pha và 3 pha, Điện áp định mức: UC = 220/390V, Dòng xung Iimp(8/20µs)= 10, 30kA. , mức điện áp bảo vệ: Up <1.4 kV , thời gian phản hồi <25ns, DIN rail 35mm. Tiêu chuẩn: VDE, ÖVE, KEMA, CC | 291.33 | |
| 6 | | | DM112 IT3 + NPE (380V, 3P+NPE, In 12kA, Imax 112 kA) | | 361.80 | |
| 6 | | 1112538 | DM112 IT4 - 550 + NPE (550V, 4P+NPE, In 12kA, Imax 112 kA) | | 581.90 | |
| 7 | | | DM112 TT4 - 380 + NPE (550V, 4P+NPE, In 12kA, Imax 112 kA) | | 581.90 | |
| 8 | | | DM112 TN3 - 380 + NPE (550V, 3P+NPE, In 12kA, Imax 112 kA) | | 351.31 | |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 9 | | | DM150 IT1 + NPE<br>(380V, 2P, In<br>50kA/P, Imax 150kA/P) | Thiết bịchống sét nguồn AC, phù hợp cho<br>các kiểu cấu trúc hệthống lưới điện TN,<br>TT (cho model có +NPE).<br>Spec: 1 Pha và 3 pha, Điện áp định mức:<br>UC = 220/390V, Dòng xung Iimp(8/20µs)=<br>10, 30kA. , mức điện áp bảo vệ: Up <1.4<br>kV , thời gian phản hồi <25ns, DIN rail<br>35mm. Tiêu chuẩn: VDE, ÖVE, KEMA,<br>CC | 402.41 | |
| 10 | | | DM150 TT2 + NPE<br>(380V, 3P, In<br>50kA/P, Imax 150kA/P) | | 572.87 | |
| 11 | | | DM150 TT3- 220 + NPE<br>(380V, 4P, In<br>50kA/P, Imax 150kA/P) | | 672.87 | |
| 12 | | 3611399 | DM135 IT1 + NPE<br>(380V, 2P, In<br>20kA/P, Imax 95kA/P) | Thiết bịchống sét nguồn AC, phù hợp cho<br>các kiểu cấu trúc hệthống lưới điện TN-CS, TN-S, TT (cho<br>model có+NPE). Spec: 1<br>Pha và 3 pha, Điện áp định mức: UC<br>=220/380/550V, Dòng xung: Xung (10/350µs)=<br>7, 14, 21, 25kA, Xung (8/20µs)= 30, 60, 90,<br>120 kA, mức điện áp bảo vệ: Up <1.5 kV ,<br>thời gian phản hồi <25ns, DIN rail 35mm.<br>Tiêu chuẩn: VDE, ÖVE, KEMA, CE, IEC. | 295.45 | |
| 13 | | | DM135 TN1 + NPE<br>(380V, 2P, In<br>20kA/P, Imax 95kA/P) | | 239.38 | |
| 14 | | | DM150 IT2 + NPE<br>(380V, 2P, In<br>50kA/P, Imax 150kA/P) | | 402.41 | |
| 15 | | | DM150 TT2 + NPE<br>(380V, 3P, In<br>50kA/P, Imax 150kA/P) | | 572.87 | |
| 16 | | | DM240IT1 + NPE<br>(380V, 2P, In<br>20kA/P, Imax 40kA/P) | Thiết bịchống sét nguồn AC, phù hợp cho<br>các kiểu cấu trúc hệthống lưới điện TN-S,<br>TT (cho model có +NPE).<br>Spec: Nguồn 1 pha, 3 pha, Điện áp định<br>mức: UC =220/380/550 V,<br>Xung tổng<br>(8/20µs)= 90 kA, mức điện áp bảo vệ: Up<br><1.3 kV , thời gian phản hồi<br><25ns, DIN rail<br>35mm.<br>Tiêu chuẩn: VDE, ÖVE, KEMA, CE, IEC | 61.90 | |
| 17 | | | DM240TT2 + NPE<br>(380V, 2P, In<br>20kA/P, Imax 40kA/P) | | 154.20 | |
| 18 | | | DM240TN3- 380 + NPE<br>(380V, 2P, In<br>20kA/P, Imax 40kA/P) | | 166.01 | |
| 19 | | 3009499 | DM240TT4- 380 + NPE<br>(380V, 4P, In<br>20kA/P, Imax 40kA/P) | | 271.90 | |

***Ghi Chú:**

- Hàng mới 100%, theo quy cách và tiêu chuẩn của nhà sản xuất, bao gồm CO, CQ.
- Thời gian bảo hành thiết bị: 3 năm kể từng ày giao nhận hàng.
- Giá trên là giá bán tại TPHCM, chưa bao gồm VAT (10%).
- Thời gian giao hàng: 4-5 tuần làm việc kể từ ngày nhận được đơn đặt hàng và tiền thanh toán trước, (model hàng stock tại kho ( Phương Nam ) giao hàng trong vòng 1-2 ngày).
- Phương thức thanh toán: chuyển khoản hoặc tiền mặt, theo tỷ giá bán ra của ngân h àng Ngoại Thương Việt Nam.
- Tại thời điểm xuất hóa đơn. Thanh toán trước 30% sau khi đặt hàng và thanh toán 70% còn lại khi nhận hàng, hoặc thỏa thuận tùy theo dự án.
- Bảng giá có hiệu lực từ: 5/2014 cho đến khi có thông báo giá mới.
- Bảng giá trên có thể thay đổi theo thị trường và tỉ giá ngoại tệ, vui lòng liên hệ với bộ phận phụ trách của chúng tôi.
- Để biết thêm chi tiết về giá và tình trạng hàng stock cho từng thời điểm.